

# ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH MÔN NGỮ VĂN

ĐỖ NGỌC THỐNG\*

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
Email: thongdongoc@yahoo.com

**Tóm tắt:** Bài viết đề cập đến việc định hướng xây dựng, phát triển Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn mới. Theo đó, tác giả trình bày cụ thể một số điểm chính trong định hướng đổi mới Chương trình môn Ngữ văn sắp tiến hành, bao gồm các vấn đề về: Tên môn học; Mục tiêu môn học; Cấu trúc, phạm vi nội dung môn học; Phương pháp dạy học; Kiểm tra, đánh giá. Theo tác giả bài viết, định hướng này dựa trên nhiều cơ sở khoa học và thực tiễn của việc phát triển chương trình nói chung, Chương trình môn Ngữ văn nói riêng; kết hợp kinh nghiệm của Việt Nam và tham khảo chương trình môn học của nhiều nước trên thế giới. Từ định hướng này, Ban Xây dựng chương trình môn học sẽ cụ thể hóa thành văn bản chương trình đầy đủ, hoàn chỉnh. Dự thảo văn bản chương trình Ngữ văn mới sẽ được xin ý kiến rộng rãi của nhiều đối tượng khác nhau trong và ngoài nước. Sau khi tiếp thu, chỉnh sửa, văn bản Chương trình Ngữ văn mới được Hội đồng thẩm định quốc gia xem xét. Nếu đạt yêu cầu, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ phê duyệt và ban hành chính thức.

**Từ khóa:** Chương trình; đổi mới chương trình; môn Ngữ văn; giáo dục phổ thông.

(Nhận bài ngày 10/8/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 20/8/2017; Duyệt đăng ngày 25/8/2017).

## 1. Đặt vấn đề

Sau một thời gian dài chuẩn bị, ngày 28 tháng 7 năm 2017, Ban Chỉ đạo Đổi mới chương trình (CT) giáo dục phổ thông (GDPT) của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã thông qua văn bản CT tổng thể (CTTT) để làm cơ sở cho việc biên soạn CT các môn học. Tuy nhiên, cần phải nói ngay rằng, việc hoạch định CTTT không thể tách rời với việc xác lập CT môn học. Điều đó có nghĩa là trong quá trình xây dựng CTTT đã phải xác lập được định hướng căn bản của CT các môn học; hình dung ra những nét lớn của CT các môn học. Nói cách khác, việc xác lập định hướng cho mỗi môn học cần phải coi là một bước của quy trình xây dựng CTTT. Trong quá trình xây dựng CT, hai hoạt động này bổ sung cho nhau. CTTT chỉ phối việc xây dựng CT môn học, CT môn học góp phần bổ sung, điều chỉnh CTTT. Vì thế, hai hoạt động ấy cần tiến hành gần như song song, không phải làm xong hoàn toàn CTTT thì mới làm CT môn học.

Với yêu cầu vừa nêu trên, trong suốt mấy năm qua, cùng với việc chuẩn bị cho CTTT, Bộ GD&ĐT cũng đã xúc tiến việc chuẩn bị xây dựng CT các môn học nhằm xác lập định hướng lớn và những nội dung quan trọng cần đổi mới. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày một số điểm chính trong định hướng đổi mới CT môn Ngữ văn sắp tiến hành.

## 2. Định hướng đổi mới chương trình môn Ngữ văn

### 2.1. Về tên môn học

Tên chính thức trong văn bản CTTT môn học này được xác định là môn Ngữ văn, nhưng ở cấp Tiểu học gọi là môn Tiếng Việt vì mục tiêu, nội dung và yêu cầu cần đạt của việc dạy và học ở cấp học nền tảng này chủ yếu là về tiếng Việt. Lên cấp Trung học cơ sở (THCS) và Trung học phổ thông (THPT) gọi là môn Ngữ văn. Như thế, về

tên gọi không có gì thay đổi so với CT hiện hành.

### 2.2. Về mục tiêu môn học

Do yêu cầu chuyển đổi từ CT theo định hướng nội dung sang CT theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực nên mục tiêu mỗi môn học cũng phải thay đổi. Mục tiêu môn Ngữ văn lần này không xác định theo ba bình diện (kiến thức, kĩ năng, thái độ) mà được xác định trên hai bình diện (năng lực và phẩm chất).

a) *Về năng lực:* Giúp HS phát triển năng lực giao tiếp ở tất cả các hình thức đọc, viết, nói, nghe và năng lực giao tiếp đa phương thức thông qua nội dung những tri thức phổ thông nền tảng về tiếng Việt và văn học, góp phần phát triển vốn tri thức căn bản của một người có văn hóa. Ở cấp THPT, CT còn trang bị thêm cho HS những tri thức theo định hướng nghề nghiệp; đáp ứng yêu cầu phân hóa, chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng. Ngoài ra, CT môn Ngữ văn còn góp phần giúp HS phát triển các năng lực khác như năng lực tự chủ và tự học, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực thẩm mĩ, năng lực tư duy, đặc biệt là năng lực lập luận, phản biện, năng lực tưởng tượng.

b) *Về phẩm chất:* Hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất cao đẹp: yêu quê hương, đất nước, con người, chăm học, chăm làm, sống trung thực và có trách nhiệm. Qua những tác phẩm văn học chọn lọc và đặc sắc, giúp HS có cơ hội khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu con người, biết đồng cảm sẻ chia, có lòng trắc ẩn, vị tha; có cá tính và đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn. Bồi dưỡng cho HS tình yêu đối với tiếng Việt và văn học, ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc để góp phần giữ gìn, phát triển các giá trị văn hóa Việt Nam; thấy rõ vai trò và tác dụng của môn học đối với đời sống mỗi con người; giúp HS có thói quen và niềm vui đọc sách; có tinh thần tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, có

\* Chủ biên Chương trình môn Ngữ văn mới



khả năng hội nhập quốc tế, có ý thức, thái độ, thói quen và phong cách của một công dân toàn cầu. Căn cứ vào mục tiêu chung nêu trên, CT môn học tiếp tục cụ thể hóa mục tiêu cho mỗi cấp học để phù hợp với đối tượng HS.

### 2.3. Về cấu trúc, phạm vi nội dung môn học

CT Ngữ văn lần này được biên soạn với một số điểm đổi mới sau đây:

a) Xuất phát từ yêu cầu cần đạt (còn gọi là Chuẩn đầu ra) để lựa chọn nội dung dạy học. Cụ thể là, xuất phát từ yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực đã nêu ở mục tiêu mà đề xuất nội dung.

Khác với CT hiện hành lấy cấu trúc nội dung của khoa học văn học và tiếng Việt ở đại học để “thu nhỏ” lại thành môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông, CT Ngữ văn mới chỉ lựa chọn những nội dung phù hợp và có vai trò quan trọng trong việc hình thành, phát triển các năng lực và phẩm chất mà môn học này có lợi thế nhất. Tất cả những nội dung không giúp cho việc đọc, viết, nghe, nói tốt và có hiệu quả cao sẽ không đưa vào nội dung dạy học. Tất nhiên, các kĩ năng cần được hiểu theo nghĩa rộng. Ví dụ, ĐỌC không chỉ là đọc thành tiếng mà còn là đọc hiểu, đọc thẩm mĩ, đọc sáng tạo... bao hàm cả yêu cầu cảm nhận, thưởng thức và đánh giá các giá trị văn học.

Để đạt được mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực, cần thông qua hệ thống kiến thức và kĩ năng cụ thể. Ví thế, cấu trúc nội dung CT Ngữ văn được thể hiện ở hai cột chính: một bên là *Yêu cầu cần đạt* (chuẩn) một bên là *Nội dung dạy học*. Yêu cầu cần đạt chỉ mức độ cần đạt ở mỗi lớp, mỗi giai đoạn; Nội dung dạy học nêu các nội dung cụ thể về kiến thức (văn học, tiếng Việt, giao tiếp, ngữ liệu). Yêu cầu cần đạt là đích cần đến còn nội dung dạy học là phương tiện để đạt được đích ấy. Như thế, khác với CT hiện hành coi kiến thức là mục tiêu cần đến, CT mới coi năng lực giao tiếp mới là đích cần đến. Tuy nhiên, cần khẳng định rằng muốn có năng lực thì phải có kiến thức; muốn hình thành và phát triển năng lực thì phải thông qua kiến thức; không có kiến thức thì không thể có năng lực, nhưng chỉ có kiến thức không thôi thì chưa đủ thành năng lực.

b) Không tổ chức dạy theo tiến trình lịch sử văn học mà tổ chức cho HS hình thành và phát triển cách đọc, viết, nói và nghe các kiểu loại văn bản (bao gồm cả văn bản đa phương thức). Những kiến thức lịch sử văn học, lí luận văn học, ngôn ngữ được tích hợp vào các hoạt động đọc, viết, nói, nghe và phục vụ trực tiếp cho việc rèn luyện các kĩ năng này một cách hiệu quả.

Văn bản đọc được lựa chọn theo tiêu chí mục đích xã hội, bao gồm 3 loại: 1/Văn bản văn học; 2/ Văn bản nghị luận; 3/Văn bản thông tin.

*Văn bản văn học* là những văn bản nhằm bộc lộ cảm xúc, tình cảm, tư tưởng (trực tiếp và gián tiếp) của người viết. Văn bản văn học gồm các văn bản hư cấu (như truyện, tiểu thuyết, thơ, kịch bản văn học) và các văn bản văn học không hư cấu (chủ yếu là thể loại kí văn học: bút kí, tùy bút, nhật kí, hồi kí, phóng sự, du kí, tản văn...).

*Văn bản nghị luận* là loại văn bản nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề nào đó trong cuộc

sống và trong văn học. Ví thế, văn bản nghị luận trình bày chặt chẽ, có lí lẽ thông qua các thao tác như: phân tích, chứng minh, giải thích, bình luận, bác bỏ, so sánh - đối chiếu... và phải đưa ra được các bằng chứng cụ thể, rõ ràng, giàu sức thuyết phục. Hiện vẫn tồn tại 2 cách phân loại văn bản nghị luận: 1/ Theo đề tài; 2/ Theo thao tác nghị luận.

*Văn bản thông tin* là kiểu văn bản nhằm cung cấp thông tin một cách trung thực, khách quan thông qua việc mô tả, giải thích, giới thiệu, trình bày số liệu, sự kiện... Đây là loại văn bản rất gần gũi, thiết thực với đời sống; hết sức đa dạng và phong phú, nhưng có thể gom lại ở 2 kiểu: văn bản thuyết minh (chủ yếu là các văn bản khoa học viết về các hiện tượng tự nhiên, xã hội; các văn bản hướng dẫn cách làm hoặc sử dụng đồ dùng; giới thiệu danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử) và văn bản nhật dụng (hiểu theo nghĩa là những văn bản hành chính, mang tính thủ tục khuôn mẫu hàng ngày như đơn từ, giấy chứng nhận, bảo hiểm, biên bản, tờ khai...).

CT Ngữ văn mới coi trọng cả 3 loại văn bản trên và quy định tỉ lệ các loại văn bản một cách phù hợp, hài hòa. Đương nhiên, theo tinh thần này, văn bản văn học vẫn chiếm một lệ cao nhất. Vì vậy, việc dạy đọc văn bản văn học vẫn hết sức quan trọng.

Khái niệm *Văn bản đa phương thức* (multimodality texts) chỉ loại văn bản trong đó có sự phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện khác như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh, âm thanh... lần này cũng được chú ý cả trong đọc hiểu và tạo lập.

c) Về ngữ liệu - văn bản cho dạy học Ngữ văn trong CT mới:

CT Ngữ văn mới quy định việc lựa chọn ngữ liệu trong dạy học phải dựa trên các nguyên tắc sau :

- Phục vụ trực tiếp cho việc phát triển các năng lực và phẩm chất theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của CT.

- Phù hợp với kinh nghiệm, năng lực nhận thức, đặc điểm tâm sinh lí, mối quan tâm của HS ở từng lớp học, cấp học; giúp HS có hứng thú để đọc, viết, nói, nghe và có niềm vui trong học tập. Cần cần nhắc nhở đáng đến dung lượng và độ phức tạp (nội dung, nghệ thuật, ngôn ngữ biểu đạt) của ngữ liệu.

- Có giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, nhất là có tính chuẩn mực và sáng tạo về ngôn ngữ nhằm góp phần nuôi dưỡng ở HS tình yêu đối với văn học và niềm vui đọc sách.

- Chú trọng các ngữ liệu phản ánh được thành tựu về tư tưởng, văn học, văn hóa dân tộc. Đó là các văn bản thể hiện tinh thần yêu nước, độc lập dân tộc, ý thức về chủ quyền quốc gia; tăng tỉ lệ các văn bản đậm tính nhân văn, giáo dục lòng nhân ái, khoan dung, tình yêu chân thiện, mĩ, tình yêu thiên nhiên, tình thân hữu nhập quốc tế, hướng đến những giá trị phổ quát của nhân loại.

- Xét trên tổng thể, chú ý bảo đảm sự cân đối tương đối giữa các thể loại (truyện, thơ, kí, kịch), giữa văn học trung đại và văn học hiện đại, giữa văn học dân gian và văn học viết, giữa văn học dân tộc Kinh và dân tộc thiểu số, giữa văn học Việt Nam và văn học nước ngoài, giữa Đông và Tây. “Sự cân đối” được hiểu là theo một tỉ lệ thích

hợp chứ không phải có tỉ lệ bằng nhau.

Trong văn bản văn học, ngữ liệu cho tất cả các lớp đều phải có văn bản tự sự (truyện) và văn bản trữ tình (thơ). Ngoài truyện và thơ, mỗi cấp học đều phải có văn bản kí và kịch; giữ một tỉ lệ phù hợp các tác phẩm thuộc văn học dân gian, văn học cổ điển của Việt Nam và nước ngoài (những nền văn học lớn trên thế giới). Hạn chế hiện tượng một văn bản được sử dụng ở các lớp học, cấp học khác nhau.

- Độ khó của các văn bản đọc tăng dần qua từng năm học. Thời gian để dạy học một văn bản phải tương thích với độ dài và độ phức tạp của nó để bảo đảm giáo viên có thể giúp HS tiếp cận đầy đủ và sâu sắc văn bản, cho HS có cơ hội đọc trực tiếp và trồn vẹn những tác phẩm được chọn học. Hạn chế việc dạy học trích đoạn, trừ trường hợp những tác phẩm văn học có dung lượng lớn như tiểu thuyết, hồi kí, sử thi (Ví dụ, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du). Số lượng văn bản, tác phẩm đưa vào sách giáo khoa không nhiều để giúp HS được học kĩ và học sâu.

- CT Ngữ văn mới không quy định cụ thể các văn bản văn học được dạy trong từng lớp. Tuy vậy, một số tác phẩm quan trọng bắt buộc dạy học trong nhà trường được xác định rõ như: *Nam quốc sơn hà* (tương truyền của Lý Thường Kiệt), *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn, *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu, *Tuyên ngôn độc lập* của Hồ Chí Minh. Ngoài ra, CT còn có một phụ lục các văn bản được khuyến nghị dạy trong nhà trường để tác giả sách giáo khoa và giáo viên tham khảo, hình dung được độ khó, độ dài và sự thích hợp về thể loại, đề tài của văn bản đối với từng lớp học.

- Nhìn chung những văn bản, tác phẩm có trong CT và SGK Ngữ văn hiện hành vẫn được kế thừa, tuy nhiên chúng cần được khai thác và sử dụng theo yêu cầu cần đạt của CT Ngữ văn mới. Nói cách khác, văn bản, tác phẩm có thể vẫn như cũ nhưng cách dạy, cách khai thác phải thay đổi.

d) Về yêu cầu tích hợp:

CT Ngữ văn mới yêu cầu tích hợp cao hơn CT hiện hành. Điều đó thể hiện ở các yêu cầu sau:

Tất cả các nội dung dạy học đều xoay quanh và bắt đầu từ bài đọc hiểu, dạy viết gắn với đọc, nói và nghe cũng gắn với nội dung đọc. Yêu cầu tích hợp không chỉ ở kiến thức mà còn ở kĩ năng thực hành, vận dụng thông qua 4 kĩ năng giao tiếp.

Bố trí, sắp xếp các kiểu loại văn bản một cách tương thích, phù hợp giữa đọc hiểu theo thể loại văn học và viết các kiểu văn bản thông dụng, tạo điều kiện tăng cường tính tích hợp. Cụ thể, phần đọc hiểu dạy các thể loại như truyện, tiểu thuyết, thơ, kịch, hồi kí, bút kí, tùy bút, tản văn... thì phần viết cũng có yêu cầu tạo lập các kiểu văn bản mang tính văn học như tập làm thơ, viết truyện (văn kể chuyện và miêu tả), chuyển thể kịch bản, viết nhật kí, tản văn, ghi chép... Tương tự, nếu phần dạy đọc hiểu văn bản nghị luận thì phần viết sẽ yêu cầu tạo lập các kiểu văn bản nghị luận; đọc hiểu dạy văn bản thông tin thì phần viết cũng yêu cầu tạo lập các dạng

văn bản thông tin thông thường.

Ngoài việc yêu cầu tích hợp các nội dung dạy học trong môn học thuộc hai yêu cầu lớn trong giao tiếp là tiếp nhận và tạo lập, CT mới còn yêu cầu tích hợp các tri thức và kĩ năng liên môn, liên ngành, liên lĩnh vực, những vấn đề mang tính thời sự, có tầm quan trọng và ý nghĩa mang tính dân tộc và toàn cầu.

- CT Ngữ văn mới yêu cầu tích hợp không chỉ ở nội dung dạy và học mà còn tích hợp trong cả phương pháp, cách thức dạy học và kiểm tra, đánh giá: trong dạy đọc có yêu cầu viết; trong dạy viết gắn với kết quả dạy đọc; dạy nói và nghe cũng có cho dạy đọc và viết...Cuối cùng kiểm tra đánh giá cũng phải chú ý yêu cầu tích hợp: kiểm tra kết quả đọc thông qua viết bài và ngược lại thông qua viết mà kiểm tra năng lực đọc hiểu; cũng thông qua kiểm tra mà đánh giá được kiến thức về tiếng Việt, văn học, văn hóa; khả năng vận dụng, thực hành của người học.

#### 2.4. Về phương pháp dạy học

Tất cả các môn học nói chung và môn Ngữ văn nói riêng đều phải trả lời câu hỏi lớn: Cách dạy học theo hướng tiếp cận năng lực khác gì so với cách dạy học theo hướng tiếp cận nội dung? Với môn Ngữ văn, CT mới chủ trương như sau:

- Dạy cho HS cách đọc, cách viết, cách nói và nghe để các em sử dụng một cách thành thạo, làm công cụ học suốt đời. Thông qua đọc, viết, nói và nghe mà hình thành, phát triển năng lực giao tiếp và những phẩm chất, năng lực liên quan. Cũng thông qua đó để trang bị kiến thức (văn học, văn hóa, tiếng Việt, giao tiếp) và giáo dục nhân cách (tình cảm, tư tưởng, lối sống...). Do yêu cầu dạy cách học nên GV cần chú ý hình thành cho HS quy trình và luyện tập vận dụng trong nhiều dạng thức, tình huống khác nhau để sau khi ra trường các em có thể tiếp tục học suốt đời và không lúng túng trước hiện thực cuộc sống.

- Phát huy tính tích cực của người học, GV không làm thay HS mà chỉ là người tổ chức việc học tập cho HS thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe đa dạng, thiết thực, gắn gũi đời thực, liên quan nhiều đến cuộc sống của HS trước mắt cũng như lâu dài. GV cần tận dụng vốn hiểu biết đã có của HS về vấn đề đang học, từ đó tổ chức cho các em tìm hiểu, khám phá để tự mình bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện những hiểu biết ấy. Tập cho HS tham gia, theo dõi và tự ghi chép những nội dung theo cách hiểu của mình sau khi đã trao đổi, tranh luận với bạn bè, thầy cô. Khuyến khích HS hỏi và tranh luận, biết cách đặt câu hỏi cho mình và cho người khác khi đọc, viết, nói và nghe...

- Chú ý dạy học phân hóa bằng nhiều cách: nêu các câu hỏi bài tập theo nhiều mức độ khác nhau; yêu cầu tất cả mọi HS đều làm việc và lựa chọn vấn đề phù hợp với mình; khuyến khích sự mạnh dạn, tự tin trong trao đổi tranh luận và thể hiện; động viên và khen ngợi kịp thời HS có ý sáng tạo, mới mẻ, độc đáo... trong đọc, viết, nói và nghe.

- Đa dạng hóa các hình thức học tập và tận dụng công nghệ thông tin một cách phù hợp, hiệu quả trong



dạy học Ngữ văn theo yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực. Theo định hướng này, GV nên chú ý sử dụng các trò chơi ngôn ngữ, nhất là đối với những HS tiểu học; hướng dẫn HS cách dùng sơ đồ để thể hiện các ý tưởng, nhất là khi tóm tắt nội dung văn bản, miêu tả hệ thống nhân vật, trình bày các thao tác thực hiện một công việc...; khuyến khích HS tự tìm đọc hay thu thập tài liệu trong thư viện và trên mạng Internet để thực hiện các nghiên cứu cá nhân hay theo nhóm, sau đó trình bày, thảo luận kết quả nghiên cứu trước lớp; rèn luyện kỹ năng sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin để hỗ trợ cho việc trình bày.

- Mở rộng không gian dạy và học, không chỉ trong lớp học mà còn có thể ở thư viện, sân trường, nhà bảo tàng, khu triển lãm,... Có thể cho HS đi tham quan, dã ngoại, yêu cầu các em ghi chép, chụp hình, quay phim,... những gì quan sát, trải nghiệm và viết bản báo cáo, thuyết minh,... Kết hợp các hoạt động dạy học trong lớp học với hoạt động trải nghiệm.

### **2.5. Về kiểm tra - đánh giá**

Đánh giá theo yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực trong môn Ngữ văn là rất khó, đòi hỏi người đánh giá phải nhiệt tình, có phương pháp và nắm chắc kỹ thuật đánh giá. Đánh giá phẩm chất chủ yếu là bằng định tính, cần thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS khi đọc, viết, nói và nghe văn bản cũng như sinh hoạt, giao tiếp hàng ngày.

Đánh giá năng lực với môn Ngữ văn chủ yếu bằng định lượng, cần thông qua các bài kiểm tra (nói, viết, trình bày) với nhiều hình thức và mức độ khác nhau. Tuy nhiên, điều quan trọng cần xác lập được câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ một cách rõ ràng, để đo lường và minh bạch trong đáp án. Muốn vậy cần kết hợp cả hai hình thức trắc nghiệm và viết luận. Để hạn chế tính chủ quan trong đánh giá bài viết luận của HS, câu hỏi và đáp án

cần rất rõ yêu cầu về ý, vì thế nên tách vấn đề ra thành các câu hỏi, mỗi câu một ý để dễ kiểm soát và đánh giá thống nhất. Năng lực diễn đạt và cảm thụ thường thức văn học không cần viết dài, chủ yếu chỉ ở mức độ đoạn văn hoàn chỉnh.

Từ định hướng trên để định ra các nội dung và hình thức sao cho phù hợp với yêu cầu đánh giá phẩm chất và năng lực cho mỗi lớp/cấp khác nhau trong môn học này.

### **3. Kết luận**

Trên đây là một số nét lớn về định hướng xây dựng, phát triển CT môn Ngữ văn mới. Định hướng này dựa trên nhiều cơ sở khoa học và thực tiễn của việc phát triển CT nói chung, CT môn Ngữ văn nói riêng; kết hợp kinh nghiệm của Việt Nam và tham khảo CT môn học của nhiều nước phát triển. Từ định hướng này, ban xây dựng CT môn học sẽ cụ thể hóa thành văn bản CT đầy đủ, hoàn chỉnh. Dự thảo văn bản CT Ngữ văn mới đang dần hoàn thành và sẽ được xin ý kiến rộng rãi của nhiều đối tượng khác nhau, trước hết là các thầy cô giáo dạy tiếng Việt, Ngữ văn; các nhà nghiên cứu, giảng dạy văn học, các em HS và phụ huynh; các nhà văn, nhà nghiên cứu văn hóa và đồng đạo bạn đọc trong và ngoài nước. Sau khi tiếp thu, chỉnh sửa, văn bản CT Ngữ văn mới sẽ được Hội đồng thẩm định quốc gia xem xét. Nếu đạt yêu cầu, Bộ trưởng bộ GD&ĐT sẽ phê duyệt và ban hành chính thức.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2017), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, <http://rgep.moet.gov.vn>
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [3]. Dự án RGEP, (2017), *Dự thảo Chương trình Ngữ văn*, phiên bản tháng 8 năm 2017.

## **THE ORIENTATION TO RENEW CURRICULUM IN VIETNAMESE LANGUAGE**

**DO NGOC THONG**

*The Vietnam Institute of Educational Sciences*

*Email: [thongdongoc@yahoo.com](mailto:thongdongoc@yahoo.com)*

**Abstract:** *The article refers to the orientation to set up and develop curriculum in new Vietnamese language. Accordingly, the author presents some key points in its orientation that includes issues on: subject; objectives; structure and scope of contents; teaching methods; testing and assessment. This orientation was based on many scientific and practical foundations for curriculum development in general and Vietnamese language in particular; combined experience of Vietnam and international lessons-learned. From this orientation, Board of curriculum development specified into complete curriculum paper. Draft of new Vietnamese language curriculum will be widely consulted by many different national and international stakeholders. Then, it will be revised and regarded by the National Assessment Council. If it is satisfied, the Ministry of Education and Training will approve and issue the official curriculum.*

**Keywords:** *Curriculum; curriculum renewal; Vietnamese language; general education.*